

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Ngọc Thành.

Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/01/2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Uy P**, sinh năm 1994, đăng ký thường trú: Số 43, Tổ 4, ấp A, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Số 41, Tổ 1, Thôn 5, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận;

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 43, Tổ 4, ấp A, xã P, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/10/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến của nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2011.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Ngoài ra do anh L không có công việc ổn định nhưng

lại thường xuyên đi uống rượu, bia với bạn mà không lo cho cuộc sống gia đình. Chị và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/11/2012 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2018. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H và cháu K; chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con;

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý số 431/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 cho anh L. Anh L đã biết được việc chị P xin ly hôn với anh L nhưng không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày của anh L.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị P đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), Giấy khai sinh con chung (Bản sao); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (Bản chính); Bản cảm kết (Bản chính); bản tự khai (bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Bá Tuyển và ông Nguyễn Công Khương về tình trạng hôn nhân của chị P, anh L. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị P không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn anh L.

+ *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/11/2012 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh L vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử nên khi nào các đương sự yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Uy P có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và xác định chị P là nguyên đơn, anh L là bị đơn.

[1.2] Anh Nguyễn Thành L là bị đơn, có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Nguyên đơn chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị P và bị đơn anh L.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị P, anh L được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị P yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự thể hiện: Chị P yêu cầu ly hôn với lý do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột. Ngoài ra do anh L không có công việc ổn định nhưng lại thường xuyên đi uống rượu, bia với bạn mà không lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2020.

Kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Gia đình chị P, anh L thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị P, anh L đã sống ly thân từ năm tháng 5/2020 cho đến nay.

Xét, chị P, anh L hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vẫn không đến tòa làm việc, thể hiện anh L không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định chị P và anh L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị P và anh L có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh L có 02 người con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/11/2012 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2018. Khi ly

hôn, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L biết được chị P yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nhưng anh L không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Xét, hiện nay chị P có việc làm và có thu nhập mỗi tháng là 8.000.000 đồng (Có xác nhận của chính quyền địa phương, bút lục 37, 38). Hiện nay chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu K và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu H, cháu K tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Gia H và cháu Nguyễn Tuấn K cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của anh L. Để đảm bảo quyền, lợi ích của chị P, anh L, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị P chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Uy P.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Uy P được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/11/2012 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 12/10/2018 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị P, anh L có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

2/ *Về án phí:* Chị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu số

0003704 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3/ Chị P, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã đa Kai (để ghi vào sổ hộ tịch; số 125, ngày 12/12/2011);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam